

Bản án số: 90/2026/HS-PT

Ngày: 28/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Chung; Bà Phạm Thị Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quang Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh (Trụ sở số C đường L, phường K, tỉnh Bắc Ninh) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 99/2026/TLPT-HS ngày 12 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo Nguyễn Bá D, Nguyễn Bá T, Nguyễn Văn Đ, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Bá D, Nguyễn Bá T, Nguyễn Văn Đ, các bị hại ông Nguyễn Bá N, ông Nguyễn Phú S, ông Nguyễn Đình P, ông Nguyễn Đình K, ông Nguyễn Bá T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2025/HSST ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Bắc Ninh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Bá D, sinh năm 1955 (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường S, tỉnh Bắc Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Đã nghỉ hưu (nguyên Bí thư thôn Đ, xã X); Trình độ văn hóa: 7/10; Con ông: Nguyễn Bá T2 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị D1 (đã chết); Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 03; Có vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; Con: Có 01 con sinh năm 1985; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị khai trừ khỏi Đảng ngày 24/3/2025; Bị cáo bị bắt tạm giam từ 21/01/2025 đến ngày 12/02/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị cáo Nguyễn Bá T, sinh năm 1974 (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường S, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do (nguyên Trưởng thôn Đ, xã X); Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Bá O (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị S1 (đã chết); Gia đình có 08 anh em, bị cáo là con thứ 07; Có vợ: Đỗ Thị X, sinh năm 1975 (đã ly hôn năm 2019); Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị khai trừ khỏi Đảng ngày 24/3/2025; Bị

cáo bị bắt tạm giam từ 21/01/2025 đến ngày 12/02/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh (có mặt tại phiên tòa).

3. Bị cáo **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1989 (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Địa chỉ: **Tổ dân phố Đ, phường S, tỉnh Bắc Ninh**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do (nguyên Kế toán **thôn Đ, xã X**); Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông **Nguyễn Văn Đ1**, sinh năm 1968; Con bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1968; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 02; Có vợ: **Hoàng Thị H1**, sinh năm 1991; Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị khai trừ khỏi Đảng ngày 24/3/2025; Bị cáo bị bắt tạm giam từ 21/01/2025 đến ngày 12/02/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh (có mặt tại phiên tòa).

Các bị cáo không có kháng cáo:

1. Bị cáo **Nguyễn Kim C**, sinh năm 1968 (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Địa chỉ: **Tổ dân phố D, phường S, tỉnh Bắc Ninh**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Cán bộ (nguyên Chủ tịch, Bí thư **Đảng ủy xã X**); Trình độ văn hóa: 10/10; Con ông **Nguyễn Kim T3** (đã chết); Con bà **Nguyễn Thị D2**, sinh năm 1940; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 03; Có vợ **Đinh Thị H2**, sinh năm 1972; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị khai trừ khỏi Đảng ngày 24/3/2025; Bị cáo bị bắt tạm giam từ 21/01/2025 đến ngày 12/02/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh (vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bị cáo **Dương Công H3**, sinh năm 1965 (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Địa chỉ: **Tổ dân phố D, phường S, tỉnh Bắc Ninh**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Cán bộ (nguyên Cán bộ địa chính **xã X**); Trình độ văn hóa: 10/10; Con ông **Dương Công L** (đã chết); Con bà **Đinh Thị V** (đã chết); Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ 03; Có vợ **Nguyễn Thị X1**, sinh năm 1966; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị khai trừ khỏi Đảng ngày 24/3/2025; Bị cáo bị bắt tạm giam từ 21/01/2025 đến ngày 12/02/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh (vắng mặt tại phiên tòa).

- Các bị hại:

1. Ông **Nguyễn Bá N**, sinh năm 1972. Nơi cư trú: **Tổ dân phố Đ, phường S, tỉnh Bắc Ninh** (vắng mặt).

2. Ông **Nguyễn Phụ S**, sinh năm 1962. Nơi cư trú: **Tổ dân phố Đ, phường S, tỉnh Bắc Ninh** (vắng mặt).

3. Ông **Nguyễn Đình P**, sinh năm 1959. Nơi cư trú: **Tổ dân phố Đ, phường S, tỉnh Bắc Ninh** (có mặt).

4. Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường S, tỉnh Bắc Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Bá T1, sinh năm 1944. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường S, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Bá T1, ông Nguyễn Đình K: Ông Dương Đức T4 – Luật sư, Công ty L1, Đoàn luật sư thành phố H; Địa chỉ: Tầng I, Tòa nhà H, số A T, phường H, thành phố Hà Nội (có mặt).

Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Nguyễn Bá D, bị cáo Nguyễn Bá T, bị cáo Nguyễn Văn Đ, bị cáo Nguyễn Kim C và bị cáo Dương Công H3 trong thời gian công tác tại địa phương đã có những hành vi vi phạm pháp luật như sau:

Hành vi của các bị cáo D, bị cáo T và bị cáo Đ:

Do cần kinh phí để làm đường giao thông nông thôn Đ, xã X, huyện T (nay là tổ dân phố Đ, phường S, tỉnh Bắc Ninh), mặc dù chưa có quyết định giao đất của cơ quan có thẩm quyền nhưng trong thời gian từ 2014 - 2015: Nguyễn Bá D - Bí thư Chi bộ thôn; Nguyễn Phú Q - Phó Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, đến tháng 4/2014 thì được Ban thường vụ Đảng ủy xã X đi học lớp đào tạo công tác quản lý quân sự nên Nguyễn Bá T giữ chức vụ quyền Trưởng thôn; Nguyễn Văn Đ kế toán thôn; Nguyễn Hồng T5 thủ quỹ thôn (đã chết) đều có hộ khẩu thường trú ở thôn Đ, xã X, huyện T đã cùng nhau giao, bán trái thẩm quyền 24 thửa đất bao gồm 23 thửa đất thuộc khu đất nông nghiệp Tiền Hiền có tổng diện tích 2.849,55 m² và 01 lô xen kẹp thuộc khu L diện tích 168m² cho tổng 22 hộ dân. Cụ thể:

Ngày 03/04/2014, Chi bộ thôn Đ họp thành phần gồm bị cáo D (Bí thư), Nguyễn Phú Q (Phó Bí thư kiêm Trưởng thôn), bị cáo T, ông Dương Văn T6, sinh năm 1950 (Cán bộ thông tin tuyên truyền thôn), ông Nguyễn Văn T7, sinh năm 1956 (Đại diện Mặt trận tổ quốc trong thôn) cùng tất cả các Đảng viên trong chi bộ. Tại cuộc họp bị cáo D đã đưa ra chủ trương địa phương cần kinh phí để mở rộng Đình thôn và làm đường giao thông trong thôn nên quy hoạch phân lô khu đất nông nghiệp Tiền H6 khoảng 20 xuất, mỗi xuất 120m², giá tiền dự kiến là 5.500.000 đồng/m² và giao nốt 01 lô đất xen kẹp bỏ hoang vương đường điện tại khu L (đối diện khu T) với giá khởi điểm 300.000.000 đồng, các thành viên tham gia cuộc họp đều nhất trí. Sau đó do trưởng thôn Q có quyết định cử đi học 18 tháng nên ngày 09/4/2014 bị cáo T được bầu làm quyền trưởng thôn và thực hiện nhiệm vụ của trưởng thôn.

Sau cuộc họp 04 người gồm bị cáo **D**, bị cáo **T**, ông **T6**, ông **T7** đã đến nhà 05 hộ dân có đất nông nghiệp khu **T** gồm hộ ông **Dương Văn S2**, hộ ông **Nguyễn Bá V1**, hộ ông **Nguyễn Bá T8**, hộ ông **Nguyễn Bá N**, hộ ông **Nguyễn Bá H4** đều ở tổ dân phố **Đ**, phường **S**, tỉnh **Bắc Ninh** để thông báo với các hộ dân về việc “Thôn có kế hoạch bán khu đất nông nghiệp Tiên Hiền để lấy kinh phí xây dựng trong thôn, đất nông nghiệp của các hộ dân nằm trong khu vực mà thôn muốn bán nên thôn sẽ đền bù diện tích đất nông nghiệp cho các hộ với giá 360.000.000 đồng/sào”. Kết quả hộ ông **S2**, ông **V1**, ông **T8** đồng ý nhận tiền đền bù với giá 360.000.000 đồng/sào ruộng. Hộ ông **N** và hộ ông **H4** không nhận tiền mà đề nghị được thôn giao đất để sử dụng làm đất ở. Hộ ông **N** có 02 sào ruộng nên đề nghị thôn giao cho 01 lô đất, hộ ông **H4** có 04 sào ruộng nên đề nghị thôn giao cho 02 lô đất.

Trên cơ sở thống nhất của 05 hộ dân, ngày 18/4/2014 **D3** đã tổ chức, chủ trì họp quần dân chính với thành phần gồm: Cấp ủy có bị cáo **D**, Ban quản lý thôn gồm bị cáo **T**, bị cáo **Đ**, ông **Nguyễn Hồng T5** và 05 trưởng ngành gồm ông **Nguyễn Hồng T5** (Thủ quỹ kiêm Hội trưởng hội người cao tuổi), ông **Phạm Thị H5** (Hội trưởng hội nông dân), bà **Dương Thị Đ2** (Hội trưởng hội phụ nữ), ông **Nguyễn Bá T9** (Bí thư đoàn thanh niên), ông **Dương Xuân T10** (Hội trưởng hội cựu chiến binh thôn). Cuộc họp đã bàn và thống nhất về việc triển khai san lấp, phân lô, thu tiền bán đất. Sau đó **Nguyễn Bá D** viết thông báo bán đất, thông báo tổ chức đấu thầu thi công san lấp và giao cho ông **T6** thông báo công khai trên loa phát thanh của thôn. Ông **Nguyễn Bá N** ở cùng thôn đã trúng thầu và ký hợp đồng thi công san lấp mặt bằng.

Tháng 5/2014 bị cáo **T** chỉ đạo thực hiện việc san lấp và xây hệ thống rãnh thoát nước, lấp đường điện. Sau đó bị cáo **T**, bị cáo **D**, bị cáo **Đ2**, ông **T5**, ông **T7**, ông **T6** đã cùng nhau tiến hành đo đạc, chia khu đất nông nghiệp Tiên Hiền thành 24 lô đất. Trong đó lô đất số 01 có diện tích 169,05m²; từ lô đất số 02 đến lô số 21 mỗi lô đều có diện tích 120m²; các lô đất số 22, 23, 24 mỗi lô có diện tích 93,5m².

Chi bộ, **Ban Q1** họp thống nhất về giá giao, bán đất: Theo đó 06 lô đất từ lô số 02 đến lô số 07 sẽ được giao, bán với giá 5.500.000 đồng/m² tức 660.000.000 đồng/lô. 14 lô đất tiếp theo từ lô số 08 đến lô số 21 sẽ được giao, bán với giá 679.000.000 đồng/lô do vị trí lô đất có hành lang, vỉa hè rộng hơn nên giá cao hơn. **Ban Q1** đã phân công ông **T6** thông báo trên loa truyền thanh thôn về việc giao, bán đất cho các hộ dân có nhu cầu mua đất thì đăng ký với **Ban Q1**. Sau khi nghe thông báo trên loa, các hộ dân có nhu cầu mua đất đến tại nhà **D**, **T** để đăng ký mua đất.

Tháng 6/2014, tại Nhà văn hóa thôn **Đ**, sau khi các hộ dân có nhu cầu đăng ký mua đất, Ban quản lý thôn **Đ** tổ chức cho các hộ dân gấp phiếu để xác định vị trí lô đất mà hộ dân được mua và thu tiền mua đất (có Phiếu thu tiền). Có 20 hộ

dân được giao 23/24 lô đất **khv T** và hộ ông **Nguyễn Đình C1** đăng ký mua 01 lô xen kẹp **khv L**. Sau khi các hộ dân nộp tiền mua đất cho Ban quản lý thôn, ngày 30/6/2014, **Ban Q1** mà đại diện là bị cáo **T** đã tiến hành giao đất tại thực địa cho các hộ dân (có lập Biên bản giao đất). Đến tháng 3/2015 **Ban Q1** tiếp tục bán 01 lô đất còn lại là lô số 01 dưới đường điện cao thế.

Việc giao, bán đất trái thẩm quyền cho các hộ dân cụ thể như sau:

Đối với lô đất số 01 diện tích 169,05m²:

1. Tháng 3/2015 ông **Nguyễn Đức C2**, sinh năm 1985 ở **tổ dân phố Đ, phường S, tỉnh Bắc Ninh** mua lô số 01 có diện tích 169,05m² với giá 350.000.000 đồng. Ông **C2** đã nộp số tiền 350.000.000 đồng cho **BQL thôn Đ5**. Hiện trạng thửa đất trên đã xây dựng nhà 02 tầng kiên cố, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với các lô đất từ số 02 đến lô số 07, mỗi lô có diện tích 120m² giao, bán với giá 660.000.000 đồng/lô gồm:

2. Hộ bà **Nguyễn Thị N2**, sinh năm 1976 ở **tổ dân phố D, phường S** mua lô số 02. Bà **N2** đã nộp đủ số tiền 660.000.000 đồng cho **Ban Q1**. Hiện trạng thửa đất đã được xây dựng 01 nhà lợp tôn để ở, kết hợp kinh doanh, thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Hộ ông **Dương Quang V2**, sinh năm 1975 ở **tổ dân phố Đ, phường S** mua lô số 03. Ông **V2** đã nộp đủ số tiền 660.000.000 đồng cho **Ban Q1**. Hiện trạng thửa đất đã được xây 01 nhà lợp tôn để ở, kết hợp kinh doanh, thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Hộ ông **Dương Văn T11**, sinh năm 1974 ở **tổ dân phố Đ, phường S** mua lô số 04. Ông **T11** đã nộp đủ số tiền 660.000.000 đồng cho **Ban Q1**. Hiện trạng thửa đất trên đã xây dựng 01 nhà lợp tôn để ở, kết hợp kinh doanh, thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Hộ ông **Phạm Văn H6**, sinh năm 1977 ở **tổ dân phố M, phường S** mua lô số 05. Thửa đất này bà **Phạm Thị H5** là mẹ vợ ông **H6** là người gấp phiếu và nộp tiền mua đất cho ông **H6**, bà **H5** đã nộp đủ số tiền 660.000.000 đồng cho **Ban Q1**. Hiện trạng thửa đất trên ông **H6** đã xây nhà 03 tầng kiên cố, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6. Hộ bà **Nguyễn Thị N3**, sinh năm 1983 ở **tổ dân phố Đ, phường S** mua lô số 06. Tháng 9/2014 bà **N3** mới nộp đủ số tiền 660.000.000 đồng cho **BQL thôn Đ5**. Hiện trạng thửa đất trên đã xây dựng nhà kiên cố 01 tầng lợp ngói, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Hộ ông **Nguyễn Văn S3**, sinh năm 1960 ở **tổ dân phố Đ, phường S** được **BQL thôn Đ5** giao cho lô số 07. Thửa đất này ông **S3** không nộp tiền mua đất cho BQL **thôn Đ** mà nộp tiền cho **UBND xã X**. Hiện trạng thửa đất trên đã xây dựng nhà 02 tầng kiên cố, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với các lô đất từ lô 08 - đến lô số 16 với mỗi lô có diện tích 120m² giao, bán với giá 679.000.000 đồng gồm:

8. Hộ ông **Trần Bá K1**, sinh năm 1973 ở **tổ dân phố D, phường S** mua lô số 08. Ông **K1** không nộp tiền mua đất cho **BQL thôn Đ5** mà nộp số tiền 679.000.000 đồng tiền mua đất cho **UBND xã X**. Hiện trạng thửa đất trên đã được xây 01 nhà lợp tôn, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

9. Hộ ông **Nguyễn Bá T12**, sinh năm 1984 ở **tổ dân phố Đ, phường S** mua lô số 09. Ông **T12** đã nộp đủ số tiền 679.000.000 đồng cho **BQL thôn Đ5**. Hiện trạng thửa đất trên đã xây dựng 01 nhà lợp tôn, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

10. Hộ ông **Nguyễn Đình P**, sinh năm 1959 ở **tổ dân phố Đ, phường S** mua lô số 10. Ông **P** đã nộp số tiền 698.000.000 đồng cho **BQL thôn Đ5**. Ông **P** nộp số tiền 698.000.000 đồng vì thời điểm mua đất ông **P** có đổi đất với anh **Nguyễn Đình K** (lô số 11), mà lô đất của anh **K** nộp chưa hết tiền, còn thiếu 19.000.000 đồng nên ông **P** nộp chênh lệch 19.000.000 đồng lên thành 698.000.000 đồng để bù vào số tiền còn thiếu lô đất của anh **K**.

11. Ông **K** đã nộp số tiền 660.000.000 đồng cho **BQL thôn Đ6** mua lô số 11. Hộ ông **Nguyễn Đình K**, sinh năm 1979 ở **tổ dân phố Đ, phường H**, còn thiếu 19.000.000 đồng. Sau đó ông **K** đổi đất cho ông **P** thì ông **P** đã nộp đủ số tiền 19.000.000 đồng còn thiếu.

12. Hộ ông **Nguyễn Bá T1**, sinh năm 1944 ở **tổ dân phố Đ, phường S** mua lô số 12. Ông **T1** đã nộp số tiền 700.000.000 đồng cho **BQL thôn Đ5**. Thời điểm **BQL thôn Đ5** thông báo giao, bán đất ông **T1** dự kiến mua 02 lô đất nên đã nộp đặt trước số tiền 700.000.000 đồng (thừa 21.000.000 đồng) so với giá bán 01 lô đất. Số tiền 21.000.000 đồng sau đó **BQL thôn Đ5** đã trả lại cho ông **T1**.

Hiện trạng 03 lô đất của ông **P**, ông **K** và ông **T1** đã xây dựng chung 01 xưởng lợp tôn để kinh doanh, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

13. Hộ ông **Hoàng Công V3**, sinh năm 1962 ở **tổ P, phường S** mua lô số 13. Ông **V3** đã nộp số tiền 679.000.000 đồng cho **BQL thôn Đ5**. Hiện trạng thửa đất trên đã được xây dựng 01 nhà lợp mái tôn, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

14. Hộ ông **Nguyễn Đình P1**, sinh năm 1983 ở **tổ dân phố Đ, phường S** mua lô số 14. Thửa đất này bà **Nguyễn Thị C3**, mẹ đẻ ông **P1** là người gấp phiếu và nộp tiền mua đất cho ông **P1**. Bà **C3** đã nộp số tiền 679.000.000 đồng cho **BQL thôn Đ5**. Hiện trạng thửa đất trên đã được xây dựng 01 nhà lợp tôn, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

15. Hộ bà **Dương Thị T13**, sinh năm 1973 ở **tổ dân phố Đ, phường S** mua lô số 15. Bà **T13** đã nộp số tiền 679.000.000 đồng cho **BQL thôn Đ5**. Hiện trạng thửa đất trên là đất trống, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

16. Hộ ông Nguyễn Phú S, sinh năm 1962 ở tổ dân phố Đ, phường S mua lô số 16. Ông S đã nộp số tiền 679.000.000 đồng cho BQL thôn Đ5. Hiện trạng thửa đất trên đã được xây 01 lán để xe vách và mái đều lợp tôn, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với các lô đất từ lô số 17 đến lô số 21 là các lô được giao, đền bù đất cho 03 hộ dân gồm:

17, 18: Hộ ông Nguyễn Bá T14, sinh năm 1954 ở tổ dân phố Đ, phường S có thửa đất số 115 diện tích 225m² thuộc tờ bản đồ số 09 thôn Đ, xã X. Thửa đất đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998. Ông T14 có con trai là Nguyễn Bá Ngọc A sử dụng thửa đất số 114 diện tích 190m² thuộc tờ bản đồ số 09 thôn Đ, xã X cũng được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001. Thửa đất số 114 và 115 có vị trí liền kề với diện tích đất Đình thôn Đ. Năm 2014, BQL thôn Đ5 giao, bán khu đất Tiền H6 và đề nghị gia đình ông T14 đổi thửa đất số 114 và 115 lấy 02 lô đất ở khu T cho thôn để thôn mở rộng diện tích đất Đình làng. Do gia đình ông T14 đã xây dựng 01 nhà 2 tầng trên thửa đất số 114 và xây dựng 01 nhà 3 tầng trên thửa đất số 115 nên thôn hỗ trợ gia đình ông T14 số tiền 600.000.000 đồng để xây dựng nhà trên 02 lô đất ở khu T. Ông T14 và BQL thôn Đ5 thống nhất về nội dung thỏa thuận đổi đất nêu trên (Thể hiện tại Biên bản đổi đất Đình ngày 12/12/2014).

Sau đó BQL thôn Đ5 tiến hành giao 02 lô đất số 17 và lô số 18 ở khu T cho gia đình ông T14 (không lập biên bản giao đất) và số tiền hỗ trợ 600.000.000 đồng. Hiện trạng 02 thửa đất trên đã được xây dựng 02 ngôi nhà 03 tầng kiên cố, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

19, 20: Tháng 6/2014, hộ bà Nguyễn Thị V4 (chồng là Nguyễn Bá H4), sinh năm 1966 ở tổ dân phố Đ, phường S được BQL thôn Đ5 giao (đền bù) cho 02 lô đất (lô số A, 20) mỗi lô đất diện tích 120m² khu đất T (đều thuộc thửa đất số 50 diện tích 2943m² tờ bản đồ số 02 tỷ lệ 1/2000). Hiện trạng 02 thửa đất trên đã xây phòng trọ lợp tôn, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

21. Tháng 6/2014, hộ ông Nguyễn Bá N, sinh năm 1972 ở tổ dân phố Đ, phường S được BQL thôn Đ5 giao (đền bù) 01 lô đất (lô số 21) diện tích 120m² khu đất T (thuộc thửa đất số 50 diện tích 2943m² tờ bản đồ số 02 tỷ lệ 1/2000). Hiện trạng thửa đất trên là đất trống, chưa xây dựng công trình gì trên đất, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với các lô đất từ lô 22 đến lô số 24 với mỗi lô có diện tích 93,5m² giao, bán như sau:

22, 23, 24: Ông Hoàng Văn Á, sinh năm 1970 ở tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh và ông Phạm Văn H7, sinh năm 1967 ở tổ dân phố T, phường T, tỉnh Bắc Ninh mua chung 03 lô đất gồm lô số 22, 23, 24 với giá 1.046.200.000 đồng/03 lô, mỗi người góp số tiền 523.100.000 đồng. Ông Á đã nộp

1.046.200.000 đồng cho BQL thôn Đ5. Sau đó hai ông chia thành 02 thửa đất, 01 thửa đất diện tích 136,8m² và 01 thửa đất diện tích 143,7m². Hiện trạng 02 thửa đất trên đã xây dựng 02 nhà lợp tôn, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với lô xen kẹp khu L:

Ông Nguyễn Đình C1, sinh năm 1987 ở tổ dân phố Đ, phường S mua 01 lô đất xen kẹp khu L giá 440.000.000 đồng. Ông C1 đã nộp số tiền 190.000.000 đồng cho BQL thôn Đ5, 250.000.000 đồng nộp cho UBND xã X. Hiện trạng thửa đất trên đã xây dựng nhà 03 tầng kiên cố, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Kim C, bị cáo Dương Công H3:

Đối với lô đất của ông Nguyễn Văn S3: Ngày 14/8/2011, UBND xã X đã tạm thu của ông Nguyễn Văn S3 số tiền 400.000.000 đồng để chờ quyết định giao đất dự án khu Đ, thôn Đ, xã X nhưng đến 6/2014 chưa được giao đất. Khi biết Ban Q1 bán đất, ông S3 đã từ chối chờ nhận đất khu Đổng Đ3 và liên hệ đòi mua 01 lô đất (lô số 07) diện tích 120m² của Ban quản lý thôn Đ và trình bày đã nộp tiền cho UBND xã X. Nguyễn Bá T đã báo cáo lại cho bị cáo D, UBND xã X biết về việc đã bán 01 lô đất cho ông S3, tiền ông S3 đã nộp cho UBND xã X trước đó.

Đối với lô đất của ông Trần Bá K1: Tháng 6/2014, ông Trần Bá K1 là họ hàng với bị cáo H3 đến phòng làm việc của bị cáo H3 nói “em muốn mua 1 lô đất, anh xem có chỗ nào bán đất thì bảo cho em”, H3 nói “thôn Đ đang bán đất, xuống đây mà hỏi”. Sau đó ông K1 đã tự liên hệ mua 01 lô đất diện tích 120m² của Ban Q1. Do không phải là người trong thôn, không thuộc diện mua đất nên ông K1 đã nộp số tiền 679.000.000 đồng cho UBND xã X.

Đối với lô đất của ông Nguyễn Đình C1: Tháng 7/2014, Nguyễn Bá D trao đổi với Dương Công H3 về việc “Ông Nguyễn Đình C1 mua 01 lô đất xen kẹp khu Lò Ngói giá 440.000.000 đồng, ông C1 đã nộp 190.000.000 đồng cho thôn, còn 250.000.000 đồng thôn chưa thu. Hiện báo cáo lại cho Nguyễn Kim C và đề xuất thu nốt số tiền 250.000.000 đồng về UBND xã X để hợp thức hóa, làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho ông C1 theo hướng dẫn liên ngành 04 của UBND tỉnh B, bị cáo C đồng ý.

Sau khi biết Ban quản lý thôn Đ bán đất lấy tiền để xây dựng đường giao thông. Sợ sau này không có tiền nộp thuế làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân, ảnh hưởng đến quyền lợi của các hộ dân. Nguyễn Kim C chủ trì cuộc họp yêu cầu BQL thôn Đ5 báo cáo về tiến độ bán đất, tiến độ thu tiền của các hộ dân đồng thời giao cho H3 tính toán giá đất để thu tiền bán đất về UBND xã. Bị cáo H3 sau đó đã tính toán, đề xuất với Nguyễn Kim C thu số tiền hơn 5.000.000.000 đồng tiền giao, bán đất cho xã để làm hồ sơ đề nghị Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nộp tiền

sử dụng đất cho các hộ dân mua đất theo Nghị định số 43 năm 2014 của Chính phủ. Sau khi đã trừ đi 03 khoản thu của Nguyễn Văn S3, Trần Bá K1, Nguyễn Đình C1 thì Dương Công H3 đã yêu cầu BQL thôn và trực tiếp nhận số tiền 4.000.000.000 đồng của BQL thôn do Nguyễn Bá T nộp.

Về xác định thiệt hại:

Quá trình điều tra, ngày 11 tháng 6 năm 2025, Cơ quan CSĐT Công an thị xã T đã có Công văn số 5597/CV-ĐCSKT-MT đề nghị Phòng Nông nghiệp và Môi trường thị xã T xác định “23 lô đất khu Tiền Hiền thuộc các thửa đất số 42 diện tích 4090m², thửa đất số 52 diện tích 2427m², thửa đất số 51 diện tích 2515m², thửa đất số 50 diện tích 2943m² (đều thuộc tờ bản đồ số 02 tỷ lệ 1/2000) tại thời điểm giao, bán tháng 6/2014 và tháng 3/2015; 01 lô đất xen kẹp diện tích 168m² khu đất Lò Ngói thuộc thửa đất số 41 diện tích 4279m² (thuộc tờ bản đồ số 02 tỷ lệ 1/2000) thuộc thôn Đ, xã X, huyện T tại thời điểm giao, bán tháng 07/2014 là loại đất gì? Được quy hoạch là đất gì? Do cơ quan, tổ chức, cá nhân nào quản lý? Theo quy hoạch hiện nay là đất gì? Các hộ gia đình mua đất và được giao đất nêu trên có đủ điều kiện được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không?.

Tại văn bản số 207/NNMT-ĐĐ ngày 23/6/2025 của Phòng Nông nghiệp và Môi trường thị xã T xác định:

“06 lô đất của hộ ông Nguyễn Bá N, hộ ông Nguyễn Phụ S, hộ ông Nguyễn Đình P, hộ ông Nguyễn Đình K, hộ ông Nguyễn Bá T1 và hộ bà Dương Thị T13 không đủ điều kiện để xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 3, Điều 140 Luật Đất đai năm 2024. Lý do: Chưa xây dựng công trình trên đất và công trình không phải nhà ở, phục vụ đời sống.

01 lô đất của hộ ông Nguyễn Đình C1 đủ điều kiện để được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 4 Điều 140, Luật Đất đai năm 2024.

Đối với 17 lô đất còn lại đã có nhà để ở và công trình phục vụ đời sống khác đủ điều kiện để xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 3, Điều 140, Luật Đất đai năm 2024”.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã có Công văn số 11553/CV-CSKT đề nghị Sở Tài chính tỉnh B căn cứ quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh cung cấp thông tin giá đất nông nghiệp tại xã X, huyện T, tỉnh Bắc Ninh nay là phường S, tỉnh Bắc Ninh tại thời điểm năm 2014, năm 2015. Ngày 28 tháng 8 năm 2025 Sở Tài chính tỉnh B đã có văn bản số 1663/STC-QLG&CS xác định giá đất nông nghiệp thuộc các thửa đất: Thửa đất số 41 diện tích 4279m², thửa đất số 42 diện tích 4090m², thửa đất số 52 diện tích 2427m², thửa đất số 51 diện tích 2515m², thửa đất số 50 diện tích 2943m² (đều thuộc tờ bản đồ số 02 tỷ lệ 1/2000) thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh Bắc Ninh có giá 70.000 đồng/m².

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã có yêu cầu định giá tài sản số 9933/YC-CSKT đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bắc Ninh tiến hành định giá tài sản 18 thửa đất đã đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi bộ, Ban Q1 giao, bán tại thời điểm tháng 6 năm 2014 và tháng 3 năm 2015. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 26/KL-ĐGTS ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bắc Ninh kết luận:

“Giá trị lô 14 lô đất diện tích 120 m² mà các ông bà Nguyễn Thị N2, Dương Văn T11, Dương Quang V2, Phạm Văn H6, Nguyễn Thị N3, Nguyễn Bá T12, Hoàng Công V3, Nguyễn Đình P1, Nguyễn Bá T14 (02 lô), Nguyễn Thị V4 (02 lô), Nguyễn Văn S3, Trần Bá K1 được giao trái thẩm quyền tại thời điểm tháng 6/2014 là: $120\text{m}^2 \times 14 \times 70.000 \text{ đồng/m}^2 = 117.600.000 \text{ đồng}$; Giá trị 01 lô đất diện tích 143,7m² ông Hoàng Văn A được giao tại thời điểm tháng 6/2014 là: $143,7\text{m}^2 \times 70.000 \text{ đồng/m}^2 = 10.059.000 \text{ đồng}$; Giá trị 01 lô đất diện tích 136,8m² ông Phạm Văn H7 được giao tại thời điểm tháng 6/2014 là: $136,8\text{m}^2 \times 70.000 \text{ đồng/m}^2 = 9.576.000 \text{ đồng}$; Giá trị 01 lô đất diện tích 169,05m² ông Nguyễn Đức C2 được giao tại thời điểm tháng 3/2015 là: $169,05\text{m}^2 \times 70.000 \text{ đồng/m}^2 = 11.833.500 \text{ đồng}$; Giá trị 01 lô đất xen kẹp khu L (đất lúa) diện tích 168m² ông Nguyễn Đình C1 được giao tại thời điểm tháng 7/2014 là: $168\text{m}^2 \times 70.000 \text{ đồng/m}^2 = 11.760.000 \text{ đồng}$.

Tổng giá trị 18 lô đất là 160.828.500 đồng.

Hành vi giao bán đất trái thẩm quyền của Chi bộ, Ban Q1 năm 2014 - 2015 đã gây thiệt hại cho 06 hộ dân mua đất không đủ điều kiện được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở gồm: Hộ ông Nguyễn Phú S, hộ ông Nguyễn Đình P, hộ ông Nguyễn Đình K, hộ ông Nguyễn Bá T1, hộ bà Dương Thị T13 mỗi hộ 679.000.000 đồng, hộ ông Nguyễn Bá N không nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng 02 sào với giá 360.000.000 đồng/01 sào mà đổi 01 lô đất nên hộ ông N bị thiệt hại 720.000.000 đồng. Tổng thiệt hại gây ra cho 06 hộ dân là 4.115.000.000 đồng. Thiệt hại cho Nhà nước 17 lô đất khu Tiền Hiền và 01 lô đất xen kẹp khu L đủ điều kiện để được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng giá trị 160.828.500 đồng.

Nguyễn Kim C, Dương Công H3 khi biết Chi bộ, Ban quản lý thôn Đ giao, bán đất trái thẩm quyền đã không ngăn chặn lại đồng ý, tiếp tay cho Chi bộ, Ban Q1 thể hiện bằng việc trực tiếp thu tiền bán đất của 02 hộ dân, yêu cầu Ban quản lý thôn Đ nộp tiền bán đất về UBND xã nên phải chịu trách nhiệm chung về tổng thiệt hại đã gây ra.

Số tiền thu được từ việc bán đất, BQL thôn Đ5 quản lý 6.328.200.000 đồng đã chi đền bù cho các hộ dân mất đất ruộng, giải phóng, san lấp mặt bằng, làm đường giao thông nông thôn. UBND xã X đã quản lý số tiền 5.329.000.000 đồng và chi tạm ứng công trình đường giao thông, đường vành đai 3.

Phía những bị hại là người tham gia mua đất nhưng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trình bày:

Ông Nguyễn Bá N, ông Nguyễn Phú S, ông Nguyễn Đình P, ông Nguyễn Đình K, ông Nguyễn Bá T1 và bà Dương Thị T13 trình bày lời khai về việc mua đất của BQL thôn Đ5 phù hợp với lời khai của các bị cáo D, bị cáo T và bị cáo Đ2 trong vụ án. Những bị hại trong vụ án không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại mà chỉ đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những thửa đất đã mua. Bị hại cũng đề nghị Tòa án xem xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là những người đã mua đất từ BQL thôn Đ và hiện các thửa đất đã mua đủ điều kiện để Cơ quan nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều đề nghị được Cơ quan nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đã mua.

Quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Kim C, Dương Công H3, Nguyễn Bá T, Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại gây ra với tổng số tiền thiệt hại là 5.340.000.000 đồng. Trong đó bị cáo C nộp số tiền 2.500.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0002527 ngày 5/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Bắc Ninh). Bị cáo H3 nộp số tiền 2.500.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0002526 ngày 5/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9- Bắc Ninh). Bị cáo Đ nộp số tiền 20.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0000484 ngày 9/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Bị cáo T nộp số tiền 20.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0000483 ngày 8/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Bị cáo D và bị cáo Đ đã tác động để bị cáo T nộp lại số tiền 300.000.000 đồng tiền bán đất còn lại mà thôn đang quản lý (Theo giấy nộp tiền ngày 17/01/2025 của Ngân hàng N5 chi nhánh T15). Số tiền 300.000.000 đồng mà bị cáo T giao nộp hiện đang được giữ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh B.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKS- KV9 ngày 14/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Bắc Ninh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Bá D, bị cáo Nguyễn Bá T, bị cáo Nguyễn Văn Đ, bị cáo Nguyễn Kim C, bị cáo Dương Công H3 về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại khoản 3 Điều 356 của Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo D, bị cáo T và bị cáo Đ khai nhận hành vi giao, bán đất trái thẩm quyền của mình như nội dung cáo trạng đã quy kết. Tuy nhiên các bị cáo cho rằng mình chỉ thực hiện công việc chung của địa phương, vì mục đích muốn có nguồn kinh phí để xây dựng địa phương mà không tư lợi cá nhân nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của các bị cáo.

Bị cáo **C**, bị cáo **H8** khai ban đầu không biết việc **BQL thôn Đ5** giao, bán đất trái thẩm quyền, không chỉ đạo **thôn Đ** bán đất. Đến khi QBL **thôn Đ** thực hiện việc giao bán đất xong nhưng chưa thu đủ tiền, mặt khác do hộ ông **K1** thực hiện việc nộp tiền mua đất cho UBND xã mới biết hành vi giao bán đất của **thôn Đ**. Tuy nhiên cũng vì vụ lợi, do muốn có nguồn kinh phí để chi trả cho các công trình xây dựng trên địa bàn xã nên không có biện pháp ngăn chặn mà lại đồng ý, tiếp tay cho QBL **thôn Đ** giao bán đất, đồng thời trực tiếp thu tiền mua đất của 02 hộ dân và yêu cầu BQL thôn nộp một phần tiền bán đất về cho xã để sử dụng.

Các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa sơ thẩm trình bày lời khai như trong quá trình điều tra vụ án đã trình bày, bị hại, người có quyền lợi liên quan có mặt chỉ yêu cầu xem xét được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không có yêu cầu gì khác. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án đều xác định việc đã mua đất, đổi đất từ BQL **thôn Đ** và thực hiện việc nộp tiền mua đất như nội dung cáo trạng đã nêu. Các bị hại đều không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại mà chỉ đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích đất mà mình đã mua từ **BQL thôn Đ5**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đã mua mà không có ý kiến gì khác.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Bá D**, bị cáo **Nguyễn Bá T**, bị cáo **Nguyễn Văn Đ**, bị cáo **Nguyễn Kim C** và bị cáo **Dương Công H3** phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

1. Áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm b, điểm s (thêm điểm o, điểm v đối với bị cáo **D**) khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38, Điều 17; Điều 58 của Bộ Luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Bá D** 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi số ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2025 đến ngày 12/02/2025.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Bá T** 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi số ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2025 đến ngày 12/02/2025.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ Luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi số ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2025 đến ngày 12/02/2025.

3. Áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm b, điểm s (thêm điểm x, điểm v đối với bị cáo **C**) khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ Luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Kim C**, bị cáo **Dương Công H3** mỗi bị cáo 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **C**, bị cáo **H3** cho **UBND phường S**, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ Luật hình sự.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 của Bộ Luật dân sự.

Buộc các bị cáo **D**, bị cáo **T**, bị cáo **Đ**, bị cáo **C** và bị cáo **H3** phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền thiệt hại cho **UBND phường S**, tỉnh Bắc Ninh với mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 32.165.700 đồng.

Số tiền bị cáo **C** phải bồi thường được trừ vào số tiền 2.500.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả theo biên lai thu số 0002527 ngày 5/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Bắc Ninh). Hoàn trả bị cáo **C** số tiền 2.467.834.300 đồng còn lại.

Số tiền bị cáo **H3** phải bồi thường được trừ vào số tiền 2.500.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả theo biên lai thu số 0002526 ngày 5/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Bắc Ninh). Hoàn trả bị cáo **H3** số tiền 2.467.834.300 đồng còn lại.

Số tiền bồi thường của bị cáo **T**, bị cáo **Đ** được trừ vào số tiền 20.000.000 đồng mà mỗi bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả. Mỗi bị cáo **T**, bị cáo **Đ** phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền còn lại là 12.165.700 đồng.

5. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) thu giữ từ bị cáo **Nguyễn Bá T** hiện đang tạm giữ tại **Ngân hàng N5 chi nhánh thị xã T15** (Theo giấy nộp tiền ngày 17/01/2025). Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9C màu xanh. Tịch thu tiêu hủy sim số 0363.081.955.

Trả lại **UBND phường S**, tỉnh Bắc Ninh 01 màn máy tính hiệu HP, loại HP LV 1911 MONITOR, số Seri 6CM4341 MF5; 01 cây máy tính màu đen trên cay máy tính có gắn chữ “XXIGMATEK” (Điện thoại mà máy tính theo biên bản

bàn giao vật chứng ngày 17/11/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B với Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Bắc Ninh).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/12/2025, bị hại ông Nguyễn Đình P, ông Nguyễn Phụ S, ông Nguyễn Bá T1 kháng cáo đề nghị xem xét giải quyết cho ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Ngày 22/12/2025, bị cáo Nguyễn Bá T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 24/12/2025, bị cáo Nguyễn Bá D, bị cáo Nguyễn Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 24/12/2025, bị hại ông Nguyễn Bá N, ông Nguyễn Đình K, ông Nguyễn Bá T1 kháng cáo đề nghị xem xét giải quyết cho ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo D trình bày: Cá nhân bị cáo và các bị cáo khác là cán bộ thôn không lợi dụng tư lợi cá nhân để trục lợi, không mua đất, không đầu cơ, không nhận tiền hộ ai mà chỉ công tâm với mục đích là xây dựng quê hương, làng xóm theo tiêu chí làng văn hoá. Bản thân bị cáo hiện là người cao tuổi, già yếu, sống chung với bệnh tật nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm án và cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

Bị cáo T trình bày: Việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong lúc được bổ nhiệm quyền trưởng thôn thay thế cho ông Nguyễn Phụ Q đi học. Bị cáo là người thực hành hoàn toàn thụ động, không có quyền quyết định. Bản thân bị cáo không nhận được bất kỳ lợi ích cá nhân nào, đề nghị Hội đồng xét xử giảm án và cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

Bị cáo Đ trình bày: Năm 2014 khi bị cáo đang làm công tác Đoàn thanh niên thì được bí thư và trưởng thôn giao làm công việc kế toán của thôn Đ. Với trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Bản thân thực hiện theo nhiệm vụ chuyên môn được phân công, bị lệ thuộc giữa cấp dưới và cấp trên, buộc phải thực hiện theo sự phân công của cấp trên trong việc viết phiếu thu tiền của các hộ dân mua đất. Bản thân bị cáo không có quyền quyết định việc bán đất, không được hưởng lợi gì từ việc Ban Q1 bán đất. Trong vụ án, bị cáo thấy vai trò của mình là thứ yếu, quá trình công tác bị cáo đã cố gắng đạt được rất nhiều thành tích. Hiện gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, phải nuôi bố mẹ già và 03 con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương để có cơ hội lao động nuôi sống bố mẹ già và 03 con nhỏ.

Bị hại ông Nguyễn Đình P trình bày: Bản án sơ thẩm đã không bảo vệ quyền lợi về dân sự cho các ông. Trong tổng số 24 hộ dân mua đất thì có 18 hộ

dân được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn lại 06 hộ các ông không được cấp. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để 06 hộ dân còn lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Bị hại ông **Nguyễn Đình K** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông **K** đề nghị cấp phúc thẩm xem xét ghi nhận về trách nhiệm dân sự về việc cho ông hoặc người mua lại thửa đất có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, trường hợp có tranh chấp và có yêu cầu thì bị hại, người liên quan có sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông **Nguyễn Bá T1**, ông **Nguyễn Đình K** là ông **Dương Đức T4** - luật sư trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét trong bản án, 03 thửa đất đứng tên ông **T1**, ông **P**, ông **K** mua hiện do vợ chồng chị **Nguyễn Thị N1** (là con gái ông **P**) đang sử dụng. Tài liệu có trong hồ sơ không thể hiện việc vợ chồng chị **N1** đang quản lý sử dụng, xây nhà và sinh sống trên 03 thửa đất này. Trên thực tế gia đình chị **N1** là người quản lý sử dụng 03 thửa đất từ năm 2016 cho đến nay. **Phòng T16** cho rằng 03 thửa đất trên không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì không phải công trình nhà ở phục vụ đời sống, tuy nhiên thực tế sử dụng cho thấy gia đình chị **N1** đang sử dụng làm nhà ở theo hình thức hỗn hợp, vừa để ở, vừa để kinh doanh. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận quyền được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bị hại trong bản án, còn việc các bị hại có được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không thì sẽ được giải quyết bằng một vụ việc khác nếu phát sinh.

Các bị hại ông **Nguyễn Phú S**, ông **Nguyễn Bá N**, ông **Nguyễn Bá T1** đã được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tranh luận: Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo **Nguyễn Bá D**, **Nguyễn Bá T**, **Nguyễn Văn Đ** sau khi phân tích hành vi phạm tội, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đã thấy rằng: Các bị cáo đã lợi dụng chức vụ quyền hạn được nhà nước giao, đã làm trái công vụ để thực hiện hành vi giao bán đất trái thẩm quyền. Gây thiệt hại cho 06 hộ dân số tiền 4.115.000.000 đồng; gây thiệt hại cho nhà nước 160.828.500 đồng, tổng thiệt hại là 4.275.828.500 đồng. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại khoản 3 Điều 356 BLHS.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo **T**, bị cáo **Đ** đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền thiệt hại để khắc phục hậu quả. Bị cáo **D**, bị cáo **Đ** có tác

động để bị cáo **T** giao nộp số tiền còn lại do BQL thôn bán đất mà có. Phía bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ Luật hình sự. Bị cáo **D** là người trên 70 tuổi. Bị cáo trong quá trình công tác có thành tích xuất sắc được tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o, điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo **D** tham gia quân đội trong thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 7/2010 đã 02 lần được tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến, được tặng Bằng khen, giấy khen trong quá trình công tác thanh niên nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS.

Tại cấp phúc thẩm các bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt của công dân **tổ dân phố Đ** nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo **D** cung cấp 01 biên lai nộp tiền bồi thường thiệt hại (32.165.700 đồng) nên được xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b khoản 1, Điều 51 BLHS. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; gây mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào các cơ quan Nhà nước đồng thời đã gây thiệt hại đến những hộ gia đình khi mua đất nhưng không đủ điều kiện được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thiệt hại đến ngân sách nhà nước. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo được áp dụng thêm một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới; bị cáo **D** còn cung cấp thêm số khám bệnh thể hiện tình trạng có nhiều bệnh nền, sức khỏe yếu. Tuy nhiên, xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có khung hình phạt từ 10 năm đến 15 năm tù; trong khi đó cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Vì vậy, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của các bị cáo và kháng cáo xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bị hại. Giữ nguyên mức hình phạt tại bản án sơ thẩm.

Xét nội dung kháng cáo của các bị hại về việc đề nghị xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Xét thấy Tòa án nhân dân không có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các bị hại có quyền thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thủ tục hành chính đã được pháp

luật quy định. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc xem xét, ghi nhận quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bị hại.

Các bị cáo nói sau cùng: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không bị khiếu nại. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị cáo Nguyễn Bá D, Nguyễn Bá T, Nguyễn Bá Đ4 và các bị hại ông Nguyễn Bá N, ông Nguyễn Phú S, ông Nguyễn Đình P, ông Nguyễn Đình K, ông Nguyễn Bá T1 có kháng cáo hợp lệ nên được xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Bà N4, ông Nguyễn Phú S, ông Nguyễn Bá T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, ông Nguyễn Đình K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ căn cứ kết luận:

[2.1] Giai đoạn năm 2014 - 2015, khi không có Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng Nguyễn Bá D - Bí thư chi bộ thôn Đ, Nguyễn Bá T - Quyền trưởng thôn Đ, Nguyễn Văn Đ - Kế toán thôn Đ đã lợi dụng chức vụ quyền hạn đang đảm nhiệm, thực hiện hành vi giao bán trái thẩm quyền 23 thửa đất nông nghiệp (đất lúa) với tổng diện tích 2.849,55m² ở khu T và 01 thửa đất xen kẹp khu Lò Ngói diện tích 168m² cho tổng số 22 hộ dân. Nguyễn Kim C - Chủ tịch UBND xã X, Dương Công H9 - Cán bộ địa chính xã X sau khi biết việc Chi bộ, ban Q1 giao bán đất trái thẩm quyền đã không ngăn chặn, lại đồng phạm trong việc thu tiền của 03 hộ dân mua đất và yêu cầu thôn Đ nộp tiền bán đất về UBND xã. Tổng số tiền thu được từ việc bán đất là 11.657.200.000 đồng, trong đó BQL thôn Đ5 thu 10.328.200.000 đồng; UBND xã X của 03 hộ dân Nguyễn Văn S3, Trần Bá K1, Nguyễn Đình C1 là 1.329.000.000 đồng. UBND xã X ngoài việc thu tiền còn yêu cầu BQL thôn Đ nộp số tiền 4.000.000.000 đồng có được từ việc bán đất.

[2.2] Hiện 24 thửa đất trên đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó 06 thửa đất không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gây thiệt hại cho 06 hộ dân số tiền 4.115.000.000 đồng. 18 thửa đất đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gây thiệt hại cho nhà nước 160.828.500 đồng. Tổng thiệt hại là 4.275.828.500 đồng. Số tiền thu được từ

việc bán đất, **BQL thôn Đ5** quản lý 6.328.200.000 đồng đã chi đền bù cho các hộ dân mất đất ruộng, giải phóng, san lấp mặt bằng, làm đường giao thông nông thôn và các công trình phúc lợi khác; UBND xã đã quản lý số tiền 5.329.000.000 đồng và chi tạm ứng công trình đường giao thông, đường vành đai 3 đến nay chưa được quyết toán. Hành vi của **Nguyễn Bá D**, **Nguyễn Bá T**, **Nguyễn Văn Đ** gây thiệt hại cho 06 hộ dân số tiền 4.115.000.000 đồng, gây thiệt hại cho nhà nước 160.828.500 đồng. Tổng thiệt hại là 4.275.828.500 đồng.

[2.3] **Nguyễn Kim C**, **Dương Công H9** là những người có chức vụ quyền hạn nhưng không thực hiện đúng, đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình, vì động cơ vụ lợi vun vén cho lợi ích cục bộ địa phương, lợi dụng chức vụ quyền hạn, đồng ý, tiếp tay cho cho Chi bộ, **Ban Q1** giao bán 24 lô đất trái thẩm quyền thể hiện bằng việc trực tiếp thu tiền bán đất, yêu cầu Ban quản lý thôn nộp tiền về UBND xã và dùng số tiền thu được từ việc bán đất chi tiêu xây dựng công trình phúc lợi hết nên phải chịu trách nhiệm chung với **Nguyễn Bá D**, **Nguyễn Bá T**, **Nguyễn Văn Đ** về tổng thiệt hại đã gây ra.

[3] Hành vi của các bị cáo vì lợi ích cục bộ địa phương đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được Nhà nước giao để tiến hành giao bán đất trái thẩm quyền cho các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án gây thiệt hại cho người mua đất, cho Ngân sách nhà nước với tổng số tiền thiệt hại là 4.275.828.500 đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo **Nguyễn Bá D**, bị cáo **Nguyễn Bá T**, bị cáo **Nguyễn Văn Đ**, bị cáo **Nguyễn Kim C** và bị cáo **Dương Công H3** về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 3 Điều 356 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo **D**, bị cáo **T**, bị cáo **Đ** giao nộp cho Tòa án biên lai thu tiền để khắc phục thiệt hại theo quyết định của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, đối với tình tiết này bản án sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (bị cáo đã tự nguyện bồi thường hoặc khắc phục hậu quả) theo điểm b, khoản 1, Điều 51 BLHS cho bị cáo. Ngoài ra bị cáo **D** còn cung cấp một số giấy tờ liên quan tới việc điều trị bệnh đái tháo đường, đau dây thần kinh của bị cáo, nhưng bị cáo không cung cấp được bệnh án điều trị để làm rõ tình trạng sức khỏe của mình, đồng thời đây cũng không phải là tình tiết để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét thấy, bản án sơ thẩm xác định các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội không vì động cơ vụ lợi cá nhân, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt các bị cáo **D**, bị cáo **T** dưới mức khởi điểm của khung hình phạt bị truy tố và ở mức thấp của khung hình phạt liên kề. Đối với bị cáo **Đ** thực hiện hành vi phạm tội với vai trò thụ động, thực hiện nhiệm vụ được giao, bị cáo không có vai trò quyết định trong việc đề ra chủ trương, cũng như vai trò quyết định trong việc giao bán đất trái thẩm quyền, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 54 BLHS để xử bị cáo **Đ**

mức án thấp hơn mức án của bị cáo **D**, bị cáo **T**. Các bị cáo bị truy tố, xét xử theo khoản 3 Điều 356 BLHS về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” với khung hình phạt từ 10 đến 15 năm tù. Vì vậy, bản án sơ thẩm quyết định và áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo **D**, bị cáo **T**, bị cáo **Đ**.

[5] Đối với yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo: Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo **D** là người có vai trò cao nhất trong vụ án, bị cáo **T** giữ vai trò giúp sức tích bị cáo **D**, bị cáo **Đ** tiếp nhận và cùng với bị cáo **D**, bị cáo **T** thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào hoạt động đúng đắn của cơ quan, chức; gây mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào các cơ quan Nhà nước đồng thời đã gây thiệt hại đến những hộ gia đình khi mua đất nhưng không đủ điều kiện được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thiệt hại đến Ngân sách Nhà nước. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn là nguyên nhân gây nên khiếu kiện kéo dài trong nhân dân, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trị an, an toàn xã hội. Do vậy bản án sơ thẩm áp dụng hình phạt tù, phạt cách ly các bị cáo **D**, **T**, **Đ** ra khỏi đời sống xã hội là phù hợp với quy định. Ngoài ra, mức hình phạt tù của các bị cáo không đủ điều kiện để cho các bị cáo được hưởng án treo. Do đó, kháng cáo của các bị cáo **D**, bị cáo **T**, bị cáo **Đ** về việc cho các bị cáo được hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với kháng cáo của các bị hại cho rằng Bản án sơ thẩm đã không bảo vệ quyền lợi về dân sự cho các bị hại, đề nghị ghi nhận quyền và xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bị hại. Vì trong tổng số 24 hộ dân mua đất thì có 18 hộ dân được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn lại 06 hộ không được cấp. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc các bị hại không được xem xét về điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là nguyên nhân dẫn đến phát sinh khiếu kiện, phát sinh thiệt hại là căn cứ để truy tố, xét xử các bị cáo. Mặt khác, việc xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thủ tục hành chính, được thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai khi có yêu cầu của người dân, Tòa án không có thẩm quyền xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bị hại. Vì vậy, kháng cáo của các bị hại về việc ghi nhận quyền và xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[8] Về án phí: Do bị cáo **D** là người cao tuổi nên bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo **Nguyễn Bá T**, **Nguyễn Văn Đ** và các bị hại ông **Nguyễn Bá N**, ông **Nguyễn Phú S**, ông **Nguyễn Đình P**, ông **Nguyễn Đình**

K, ông Nguyễn Bá T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bá D, Nguyễn Bá T, Nguyễn Văn Đ đề nghị giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Bá N, ông Nguyễn Phú S, ông Nguyễn Đình P, ông Nguyễn Đình K, ông Nguyễn Bá T1 về việc ghi nhận quyền và xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 39/2025/HSST ngày 15/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Bắc Ninh về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Bá D, Nguyễn Bá T, Nguyễn Văn Đ.

3.1. Áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm b, điểm s (thêm điểm o, điểm v đối với bị cáo D) khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38, Điều 17; Điều 58 của Bộ Luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá D 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi số ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2025 đến ngày 12/02/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi số ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2025 đến ngày 12/02/2025.

3.2. Áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ Luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 04 (bốn) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi số ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2025 đến ngày 12/02/2025.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Nguyễn Bá D.

Các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị hại ông Nguyễn Bá N, ông Nguyễn Phú S, ông Nguyễn Đình P, ông Nguyễn Đình K, Nguyễn Bá T1 mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC10 - CA Bắc Ninh;
- CQĐT; VKS; TAND Khu vực 9;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Bình